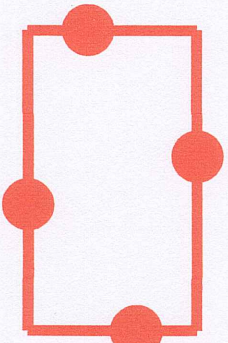


KÝ HIỆU:

SỐ HIỆU LÔ ĐẤT

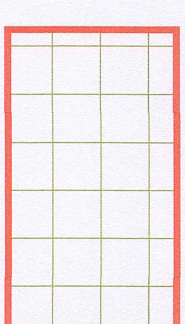
MẶT ĐỘ XD
CÔNG TRÌNH (%)
TẦNG CAO TỐI THIỂU (TẦNG)
DIỆN TÍCH
LÔ ĐẤT (M2)
TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)
NOXH01
HỆ SỐ
SỬ DỤNG ĐẤT
65 3-5 3.6
5324.26



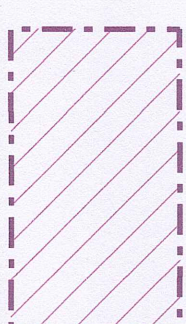
RANH GIỚI LÔ ĐẤT LẬP QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH

TỔNG 3 LÔ, DIỆN TÍCH: 32.989,8 M2. TRONG ĐÓ:

- LÔ NOXH-01 (THEO QH ĐÃ DUYỆT LÀ LÔ DC-NXH01;
THEO QH PHẦN KHU LÀ LÔ 4B2-OXH-01); 10.463,19 M2
- LÔ NOXH-02 (THEO QH ĐÃ DUYỆT LÀ LÔ DC-NXH02;
THEO QH PHẦN KHU LÀ LÔ 4B2-OXH-02); 13.791,05 M2
- LÔ NOXH-03 (THEO QH ĐÃ DUYỆT LÀ LÔ DC-NXH03;
THEO QH PHẦN KHU LÀ LÔ 4B2-OXH-03); 8.735,56 M2



ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI

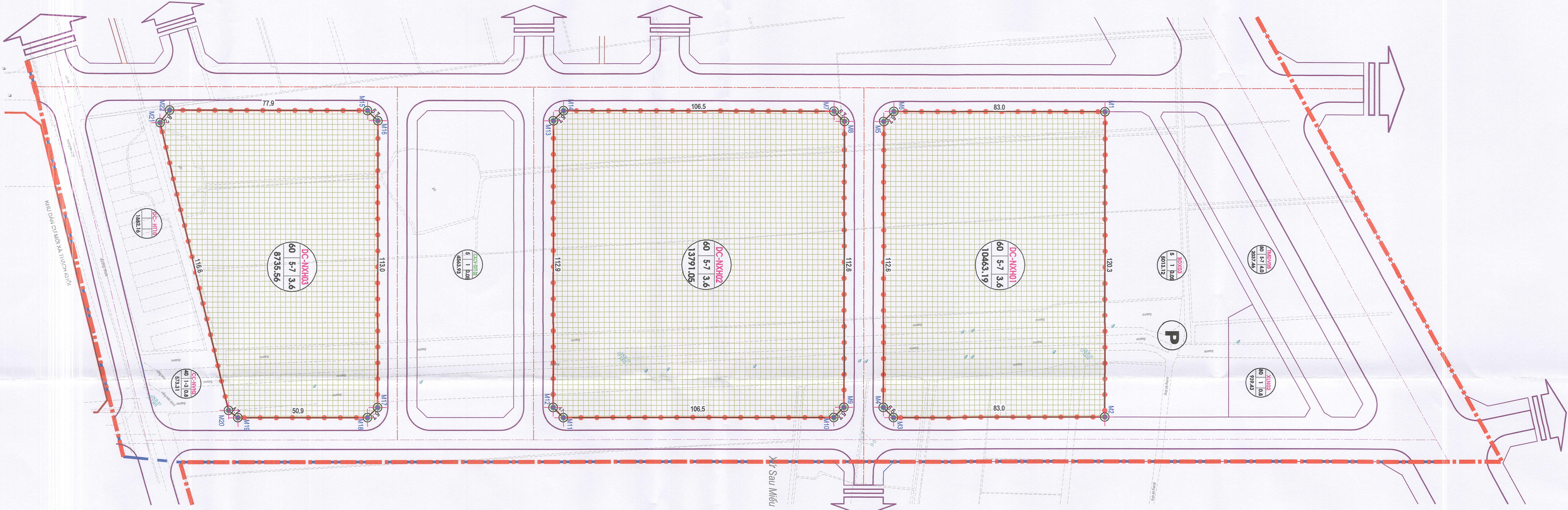


ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở THƯƠNG MẠI

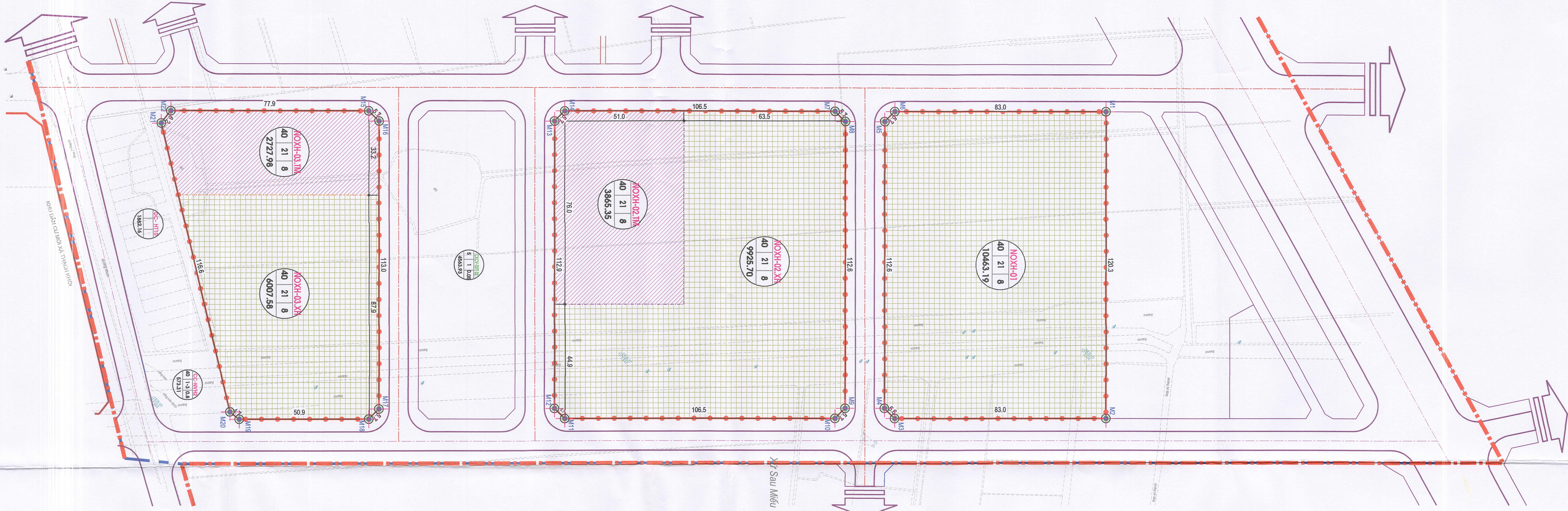
BẢNG ĐỐI CHIẾU CÁC CHỈ SỐ QUY HOẠCH

Stt	Chỉ tiêu nghiên cứu	Theo quy hoạch đã phê duyệt (QĐ số 724/QĐ-UBND ngày 20/03/2020)	Theo quy hoạch phân khu đã phê duyệt (QĐ số 2034/QĐ-UBND ngày 17/08/2023)	Theo quy hoạch điều chỉnh cục bộ lần này	Ghi chú
1	Tên lô đất lập Quy hoạch điều chỉnh cục bộ	03 lô đất Nhà ở xã hội (Kí hiệu DC-NXH-01, DC-NXH-02, DC-NXH-03)	03 lô đất Nhà ở xã hội (Kí hiệu 4B2-OXH-01, 4B2-OXH-02, 4B2-OXH-03)	03 lô đất Nhà ở xã hội (Kí hiệu DC-NXH-01, DC-NXH-02, DC-NXH-03)	
2	Chức năng sử dụng đất	Đất Nhà ở xã hội	Đất Nhà ở xã hội	Đất Nhà ở xã hội	20% DT đất làm Nhà ở TM
3	Quy mô Diện tích (m ²)	32.989,80	35.226,00	32.989,80	Giới nguyên
	NOXH-01	10.463,19	10.463,00	10.463,19	
	Nhà ở xã hội	13.791,05	13.782,00	13.791,05	
	NOXH-02				
	Nhà ở xã hội	9.925,70	9.925,70		
	Nhà ở thương mại	3.665,35			
	NOXH-03	8.735,56	10.981,00	8.735,56	
	Nhà ở xã hội		6.007,58		
	Nhà ở thương mại	2.727,98	26.396,47	80,01%	
	Tổng DT đất Nhà ở XH	32.989,80	6.593,33	19,99%	
4	Số Tầng cao xây dựng	5 - 7	21	21	Pphu hợp QH/HK
5	Số Tầng hầm	0	5,3	5,3	Pphu hợp QH/HK
6	Mật độ xây dựng tối đa	65,0%	65,0%	40,0%	Giảm 25%
	NOXH-01	65,0%	65,0%	40,0%	
	NOXH-02	65,0%	65,0%	40,0%	
	NOXH-03	65,0%	65,0%	40,0%	
7	Số căn hộ (căn)		2973	993	
	NOXH-01		993		
	Nhà ở xã hội		1209		
	NOXH-02		777		
	Nhà ở thương mại		432		
	NOXH-03		771		
	Nhà ở xã hội		442		
	Nhà ở thương mại		329		
8	Hệ số SBD tối đa (lần)	3,60	8,00	8,00	Pphu hợp QH/HK
	NOXH-01	3,60	8,00	8,00	
	NOXH-02	3,60	8,00	8,00	
	NOXH-03	3,60	8,00	8,00	
9	Dân số dự kiến (người)	2900	5201	5201	Tăng 2301 người
	NOXH-01		1728		
	Nhà ở xã hội		2122		
	NOXH-02		1362		
	Nhà ở thương mại		760		
	NOXH-03		1351		
	Nhà ở xã hội		775		
	Nhà ở thương mại		576		

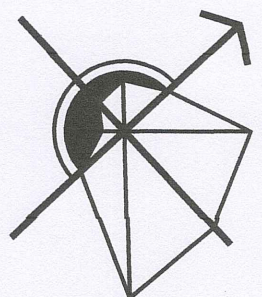
(1): Từ phần diện tích làm đường giao thông rộng 4m phía Nam là đất 4B2-OXH-03, còn 32.989,8 m2



QUY HOẠCH ĐÃ PHÊ DUYỆT

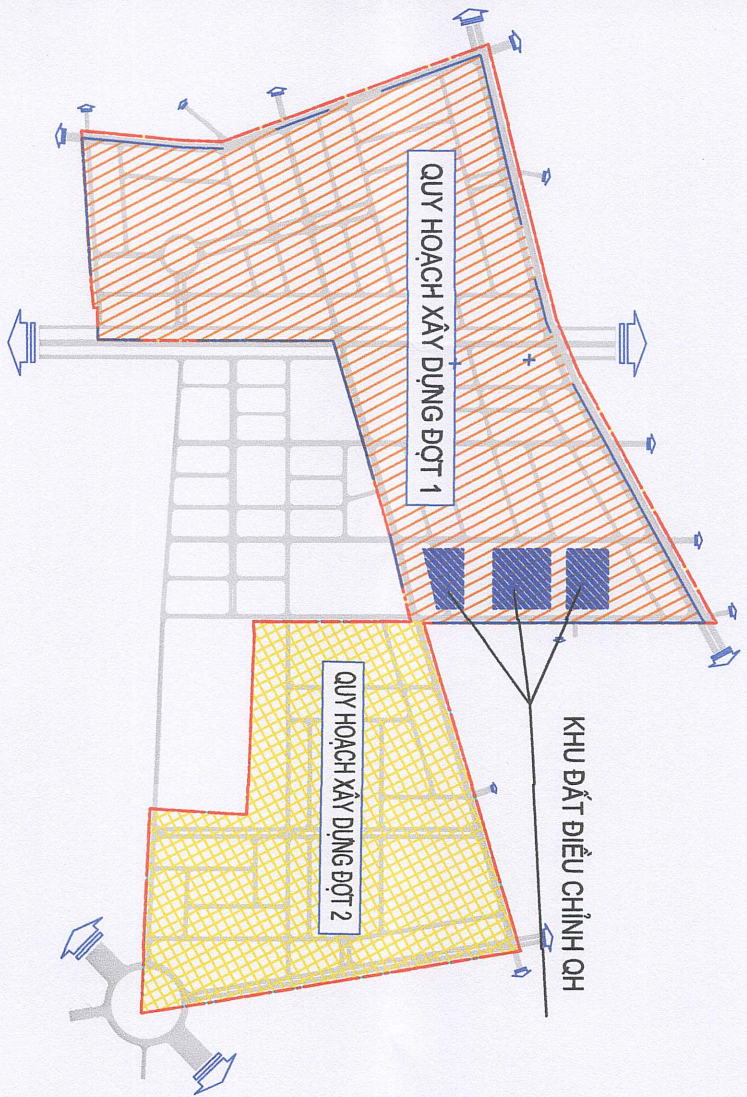


QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH



TỈ LỆ 1/500

1:1.000 0 20M 50M



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
UBND PHƯỜNG THẠCH KHÔI

Kèm theo Quyết định số: 153/QĐ-UBND ngày 2 tháng 2 năm 2023.
CHỦ TỊCH
TỔNG VẬN QUÂN

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG XÂY DỰNG, NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
PHƯỜNG THẠCH KHÔI

Kèm theo Báo cáo số: 02/ĐA-NKXH-Hàng.2 năm 2023.

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BDS NAM ĐỒ

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Viên

Kèm theo tờ trình số: 6/11/TTR-ND ngày 11 tháng 6 năm 2026

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ 03 LÔ ĐẤT NHÀ Ở XÃ HỘI (Kí hiệu NOXH-01, NOXH-02, NOXH-03) THUỘC QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU BÔ THỊ PHỤ QUÝ (GOLDENLAND) THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG TỶ LỆ 1/500 (NĂM 1 LÀ PHƯỜNG THẠCH KHÔI)

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG THẠCH KHÔI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN BẢN VẼ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ:	CHSDB	GHÉP: 01A0	TỶ LỆ: 1/500	NĂM 2026
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN ANH TUYÊN			
CHỦ TRÌ	THS KTS. VŨ XUÂN HẬU			
CHỦ NHIỆM	THS KTS. VŨ XUÂN HẬU			
TR. PHÒNG	THS. KS. TRẦN ANH ĐÔNG			
QL. KỸ THUẬT	THS. KS. ĐÀO THỊ THẠCH			
GIÁM ĐỐC	THS. KTS. ĐỖ VĂN NGHĨA			

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC
Đ/C: 44/246C ĐÀ NẴNG, HẢI PHÒNG. ĐT: 0888.301079